Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: , Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 25.03.2020 14:06:50 +07:00

| | |
|---|---|
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG<br>**SỞ Y TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 806 /SYT-TTKN<br>V/v phân bổ số lượng thuốc trúng thầu Gói thầu Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc) | *Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2020* |

Kính gửi: Các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-SYT ngày 18/3/2020 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 - 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Danh mục thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền dự kiến sử dụng năm 2019-2020 của các cơ sở y tế.

Sở Y tế phân bổ số lượng thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền trúng thầu của Gói thầu Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng (31 Phụ lục đính kèm).

Các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng có trách nhiệm hoàn thiện và ký kết hợp đồng mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền với các nhà thầu được lựa chọn trong vòng 20 ngày kể từ ngày có Thông báo trúng thầu của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng (ngày 23/3/2020).

Sở Y tế Hải Phòng thông báo để các cơ sở biết và thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi;
- PGĐ Nguyễn Tiến Sơn (để theo dõi chỉ đạo);
- BHXH TP, Kho bạc NNHP (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của UBND TP;
- Lưu: VT, NVD, TTKN.

**GIÁM ĐỐC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**Phạm Thu Xanh**

**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HẢI PHÒNG - 33 KỲ ĐỒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

SỞ Y TẾ

*Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)*

*Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT005 | Cynaphytol | Cao khô Actiso | 0,16g (tương đương 4g lá tươi Actiso) | Hộp 10 vỉ x 10 viên, uống, viên bao đường | 36 | VD-24104-16 | Công ty CP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR, Việt Nam | viên | 1 | 300 | 840 | 252.000 | D017 |
| 2 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên<br>Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 300 | 980 | 294.000 | D007 |
| 3 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 300 | 562 | 168.600 | D023 |
| 4 | TCT025 | Kim tiền thảo Bài Thạch | Kim tiền thảo,<br>Chỉ thực,<br>Nhân trần,<br>Hậu phác,<br>Hoàng cầm,<br>Bạch mao căn,<br>Nghệ,<br>Binh lang,<br>Mộc hương,<br>Đại hoàng. | 1000mg,<br>100mg,<br>250mg,<br>100mg,<br>150mg,<br>500mg,<br>250mg,<br>100mg,<br>100mg, 50mg. | Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim, uống | 36 | VD-33856-19 | Công ty TNHH Dược phẩm Hà Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 200 | 1.050 | 210.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 300 | 2.289 | 686.700 | D023 |
| 6 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 3.000 | 2.200 | 6.600.000 | D003 |
| 7 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà | 0,9g; 3,13g; 3,25g; 3,13g; 0,68g; 3,13g; 0,18g; 2,08g; 7,15g; 3,3g; 0,63g; 0,2g; 0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 100 | 17.550 | 1.755.000 | D023 |
| 8 | TCT076 | Danospan | Lá Thường xuân | Mỗi 100 ml chứa: Cao khô lá Thường xuân (tương ứng với 4,55g lá Thường xuân) 0,7g | Hộp 1 chai 100ml. Siro. Uống | 36 | VD-24083-16 | Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam | Chai | 1 | 50 | 29.500 | 1.475.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 100 | 500 | 50.000 | D013 |
| 10 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 12.000 | 1.218 | 14.616.000 | D020 |
| 11 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 50 | 37.000 | 1.850.000 | D023 |

**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN AN DƯƠNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

*Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)*

*Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT006 | Actisô HĐ | Cao đặc Actisô | 250mg | Hộp 5 vỉ × 15 viên, Uống, Viên nang mềm | 36 | VD-21418-14 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 2.200 | 11.000.000 | D006 |
| 2 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso,<br>Cao mật lợn khô,<br>Tỏi,<br>Than hoạt tính. | 125mg,<br>50mg,<br>50mg,<br>25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 2.499 | 149.940.000 | D023 |
| 3 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 980 | 58.800.000 | D007 |
| 4 | TCT014 | Bổ gan Trường Phúc | Diệp hạ châu, Đảng sâm, Nhân trần, Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Đương quy, Phục linh, Trần bì | 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,6g;0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g | Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống, viên nén bao phim | 36 | VD-30093-18 | Công ty TNHH Dược Thảo Hoàng Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 15.000 | 3.590 | 53.850.000 | D006 |
| 5 | TCT017 | Giải độc gan Vinaplant | Cao đặc bồ bồ (tương đương 2g bồ bồ) | 200mg | Hộp 30 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 24 | VD-31876-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Gói | 1 | 10.000 | 3.450 | 34.500.000 | D013 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | TCT018 | Diệp hạ châu TP | Cao khô diệp hạ châu đắng (tương đương 1,75g diệp hạ châu đắng) | 210mg | Hộp 25 gói x 5g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-24467-16 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 10.000 | 3.800 | 38.000.000 | D013 |
| 7 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 510 | 2.550.000 | D015 |
| 8 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 1.344 | 6.720.000 | D005 |
| 9 | TCT021 | Mát gan giải độc-HT | Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nồi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ | 600mg; 500mg; 600mg; 1g; 600mg; 240mg | Hộp 20 ống 10ml, Uống, Siro | 36 | VD-22760-15 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam | Ống | 1 | 5.000 | 3.400 | 17.000.000 | D006 |
| 10 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 562 | 5.620.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 5.000 | 840 | 4.200.000 | D019 |
| 12 | TCT029 | Độc hoạt tang ký sinh.VT | Độc hoạt, xuyên khung, thục địa, ngưu tất, đương quy, phục linh, tế tân , tang ký sinh, bạch thược, đỗ trọng, tần giao, phòng phong, quế chi, cam thảo | 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,25g; 0,25g; 0,1g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,25g; 0,25g; 0,1g | Hộp 1 lọ 50g, Uống, viên hoàn cứng | 36 | VD-24927-16 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Lọ | 1 | 1.000 | 59.700 | 59.700.000 | D006 |
| 13 | TCT030 | Xương khớp Nhất Nhất | Đương quy, Đỗ trọng, Cẩu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ. | 750mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450 mg, 300mg, 300mg, 300mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450mg, 300mg, 300mg | uống, viên nén bao phim, lọ 30 viên | 36 | VD-25463-16 | Công ty TNHH DP Nhất Nhất-VN | viên | 1 | 5.000 | 4.498 | 22.491.000 | D022 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | TCT032 | Phong thấp ACP | Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh | 600mg; 800mg; 300mg; 50mg; 50mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 24 | GC-225-14 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 1.302 | 6.510.000 | D005 |
| 15 | TCT033 | Phong tê thấp DHĐ | Hy thiêm, Thiên niên kiện | 615mg (tương đương 10,5g dược liệu gồm: Hy thiêm 10g + Thiên niên kiện 0,5g) | Hộp 3 túi x 3 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-27357-17 | Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 2.280 | 11.400.000 | D006 |
| 16 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 2.289 | 137.340.000 | D023 |
| 17 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 45.000 | 2.289 | 103.005.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | TCT044 | Siro Bổ tâm tỳ | Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Long nhãn | Trong 10ml siro thuốc có chứa các chất chiết được từ các dược liệu tương ứng: (1,2g; 1,2g; 1,2g; 2,0g; 1,2g; 0,4g; 0,4g; 1,2g; 0,6g; 1,2g). | Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml, Uống, Siro thuốc | 30 | VD-23560-15 | Công ty CPDP Hoa Việt – Việt Nam | Ống | 1 | 3.000 | 5.000 | 15.000.000 | D004 |
| 19 | TCT046 | Phalintop | Cam thảo, Đảng sâm nam chế, Dịch chiết men bia (tương đương với men bia) | 0,5g; 1,5g; 10g | Hộp 20 ống 10ml, Uống, Dung dịch thuốc nước | 36 | VD-24094-16 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam | Ống | 1 | 3.000 | 3.200 | 9.600.000 | D006 |
| 20 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.200 | 44.000.000 | D003 |
| 21 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 150.000 | 2.389 | 358.350.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 924 | 9.240.000 | D019 |
| 23 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà | 0,9g; 3,13g; 3,25g; 3,13g; 0,68g; 3,13g; 0,18g; 2,08g; 7,15g; 3,3g; 0,63g; 0,2g; 0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 1.000 | 17.550 | 17.550.000 | D023 |
| 24 | TCT080 | Thuốc ho K/H | Ma hoàng, Khổ hạnh nhân, Quế chi, Cam thảo. | 18g, 24g, 12g, 12g. | Hộp 1 chai x 120 ml siro, uống | 24 | VD-23249-15 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 2.000 | 19.950 | 39.900.000 | D023 |
| 25 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.121 | 63.630.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 840 | 4.200.000 | D015 |
| 27 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 903 | 9.030.000 | D019 |
| 28 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 1.218 | 73.080.000 | D020 |
| 29 | TCT116 | Dưỡng cốt hoàn | Cao xương hỗn hợp + Hoàng bá + Tri mẫu + Trần bì + Bạch thược + Can khương + Thục địa | 0,75g + 2,4g + 0,3g + 0,6g + 0,6g + 0,15g + 0,6g | Hộp 20 túi 5g, Uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-17817-12 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Túi | 1 | 4.500 | 3.500 | 15.750.000 | D014 |
| 30 | TCT118 | Hoạt huyết dưỡng não TP | Cao đặc đinh lăng; Cao bạch quả | 150mg; 75mg | Hộp 25 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-20303-13 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 45.000 | 2.500 | 112.500.000 | D013 |
| 31 | TCT119 | Hoàn lục vị địa hoàng | Thục địa + Hoài sơn + Sơn thù + Mẫu đơn bì + Phục linh + Trạch tả | 1,15g + 0,96g+ 0,96g + 0,71g + 0,71g + 0,71g | Hộp 10 hoàn 10g, Uống, Viên hoàn mềm | 36 | VD-24068-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 4.000 | 80.000.000 | D014 |

**PHỤ LỤC 03: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.499 | 124.950.000 | D023 |
| 2 | TCT014 | Bổ gan Trường Phúc | Diệp hạ châu, Đảng sâm, Nhân trần, Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Đương quy, Phục linh, Trần bì | 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,6g;0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g | Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống, viên nén bao phim | 36 | VD-30093-18 | Công ty TNHH Dược Thảo Hoàng Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 3.590 | 35.900.000 | D006 |
| 3 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 562 | 11.240.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 180.000 | 840 | 151.200.000 | D019 |
| 5 | TCT029 | Độc hoạt tang ký sinh.VT | Độc hoạt, xuyên khung, thục địa, ngưu tất, đương quy, phục linh, tế tân , tang ký sinh, bạch thược, đỗ trọng, tần giao, phòng phong, quế chi, cam thảo | 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,25g; 0,25g; 0,1g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,25g; 0,25g; 0,1g | Hộp 1 lọ 50g, Uống, viên hoàn cứng | 36 | VD-24927-16 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Lọ | 1 | 4.000 | 59.700 | 238.800.000 | D006 |
| 6 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 80.000 | 2.289 | 183.120.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | TCT039 | Đại tràng hoàn P/H | Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Bột Bạch truật; Bột Hoàng liên; Bột Hoài sơn; Bột Hoàng đằng; Bột Mộc hương; Bột Bạch linh; Bột Sa nhân; Bột Bạch thược; Bột Trần bì; Cao đặc Cam thảo (tương ứng với 0,4g Cam thảo); Cao đặc Đảng sâm (tương ứng với 733mg Đảng sâm). | 0,65g; 0,54g; 0,42g; 0,4g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,25g; 0,04g (0,4g); 0,22g (733mg). | Hộp 10 gói x 4g, uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-25946-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Gói | 1 | 9.000 | 3.900 | 35.100.000 | D015 |
| 8 | TCT046 | Phalintop | Cam thảo, Đảng sâm nam chế, Dịch chiết men bia (tương đương với men bia) | 0,5g; 1,5g; 10g | Hộp 20 ống 10ml, Uống, Dung dịch thuốc nước | 36 | VD-24094-16 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam | Ống | 1 | 27.000 | 3.200 | 86.400.000 | D006 |
| 9 | TCT058 | Fitôbaby | Sử quân tử, Binh lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương | 22.5g, 22.5g, 12.5g, 12.5g, 10g, 2.5g, 2.5g | Chai 200ml, Uống, Cao lỏng | 36 | VD-22328-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | chai | 1 | 300 | 35.000 | 10.500.000 | D019 |
| 10 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 45.000 | 2.200 | 99.000.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 270.000 | 2.389 | 645.030.000 | D023 |
| 12 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 180.000 | 924 | 166.320.000 | D019 |
| 13 | TCT080 | Thuốc ho K/H | Ma hoàng, Khổ hạnh nhân, Quế chi, Cam thảo. | 18g, 24g, 12g, 12g. | Hộp 1 chai x 120 ml siro, uống | 24 | VD-23249-15 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 1.800 | 19.950 | 35.910.000 | D023 |
| 14 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 500 | 10.000.000 | D013 |
| 15 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 180.000 | 2.121 | 381.780.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 8.000 | 840 | 6.720.000 | D015 |
| 17 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 45.000 | 903 | 40.635.000 | D019 |
| 18 | TCT118 | Hoạt huyết dưỡng não TP | Cao đặc đinh lăng; Cao bạch quả | 150mg; 75mg | Hộp 25 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-20303-13 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 18.000 | 2.500 | 45.000.000 | D013 |
| 19 | TCT119 | Hoàn lục vị địa hoàng | Thục địa + Hoài sơn + Sơn thù + Mẫu đơn bì + Phục linh + Trạch tả | 1,15g + 0,96g+ 0,96g + 0,71g + 0,71g + 0,71g | Hộp 10 hoàn 10g, Uống, Viên hoàn mềm | 36 | VD-24068-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 9.000 | 4.000 | 36.000.000 | D014 |

**PHỤ LỤC 04: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BAN BẢO VỆ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CÁN BỘ THÀNH PHỐ THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT005 | Cynaphytol | Cao khô Actiso | 0,16g (tương đương 4g lá tươi Actiso) | Hộp 10 vỉ x 10 viên, uống, viên bao đường | 36 | VD-24104-16 | Công ty CP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR, Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 840 | 8.400.000 | D017 |
| 2 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 2.499 | 249.900.000 | D023 |
| 3 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 510 | 51.000.000 | D015 |
| 4 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 562 | 5.620.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT025 | Kim tiền thảo Bài Thạch | Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng. | 1000mg, 100mg, 250mg, 100mg, 150mg, 500mg, 250mg, 100mg, 100mg, 50mg. | Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim, uống | 36 | VD-33856-19 | Công ty TNHH Dược phẩm Hà Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 1.050 | 5.250.000 | D023 |
| 6 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 100.000 | 840 | 84.000.000 | D019 |
| 7 | TCT031 | Rheumapain - f | Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác | 800mg, 400mg, 400mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-18103-12 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 50.000 | 1.050 | 52.500.000 | D019 |
| 8 | TCT051 | Folitat dạ dày | Lá khôi, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt | 160mg, 0,12g, 0,12g, 0,12g, 120mg. | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-29242-18 | Công ty CPDP Yên Bái | Viên | 1 | 5.000 | 1.750 | 8.750.000 | D018 |
| 9 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 50.000 | 480 | 24.000.000 | D010 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | TCT062 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 1 | 30.000 | 480 | 14.400.000 | D010 |
| 11 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 2.200 | 22.000.000 | D003 |
| 12 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000,00 | 2.389 | 238.900.000 | D023 |
| 13 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg , 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 924 | 27.720.000 | D019 |
| 14 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 500 | 5.000.000 | D013 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535 -14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 50.000 | 903 | 45.150.000 | D019 |
| 16 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 1.218 | 12.180.000 | D020 |
| 17 | TCT114 | Fitôgra – f | Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế | 330mg, 330mg, 330mg, 100mg | Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-25954 -16 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 3.000 | 3.990 | 11.970.000 | D019 |
| 18 | TCT121 | Tam thất Vinaplant | Bột tam thất | 500mg | Hộp 5 vỉ x 20 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-32886-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 3.000 | 5.500 | 16.500.000 | D013 |

**PHỤ LỤC 05: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CÁT HẢI THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso,<br>Cao mật lợn khô,<br>Tỏi,<br>Than hoạt tính. | 125mg,<br>50mg,<br>50mg,<br>25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 80.000 | 2.499 | 199.920.000 | D023 |
| 2 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 40.000 | 2.289 | 91.560.000 | D023 |
| 3 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa,<br>Đương quy,<br>Sinh địa,<br>Sài hồ,<br>Cam thảo,<br>Xích thược,<br>Xuyên khung,<br>Chỉ xác,<br>Ngưu tất,<br>Bạch quả | 280mg,<br>685mg,<br>375mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>375mg,<br>685mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 2.389 | 143.340.000 | D023 |

**PHỤ LỤC 06: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN CÔNG AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên<br>Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 980 | 29.400.000 | D007 |
| 2 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 562 | 11.240.000 | D023 |
| 3 | TCT025 | Kim tiền thảo Bài Thạch | Kim tiền thảo,<br>Chỉ thực,<br>Nhân trần,<br>Hậu phác,<br>Hoàng cầm,<br>Bạch mao căn,<br>Nghệ,<br>Binh lang,<br>Mộc hương,<br>Đại hoàng. | 1000mg, 100mg, 250mg, 100mg, 150mg, 500mg, 250mg, 100mg, 100mg, 50mg. | Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim, uống | 36 | VD-33856-19 | Công ty TNHH Dược phẩm Hà Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 12.000 | 1.050 | 12.600.000 | D023 |
| 4 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 15.000 | 2.200 | 33.000.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh,<br>Cát cánh,<br>Tỳ bà diệp,<br>Tang bạch bì,<br>Ma hoàng,<br>Mạch môn,<br>Lá Bạc hà,<br>Bán hạ chế,<br>Bách bộ,<br>Mơ muối,<br>Cam thảo,<br>Bạch phàn,<br>Tinh dầu bạc hà | 0,9g;<br>3,13g;<br>3,25g;<br>3,13g;<br>0,68g;<br>3,13g;<br>0,18g;<br>2,08g;<br>7,15g;<br>3,3g;<br>0,63g;<br>0,2g;<br>0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 100 | 17.550 | 1.755.000 | D023 |
| 6 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 12.000 | 1.218 | 14.616.000 | D020 |

**PHỤ LỤC 07: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên<br>Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 980 | 9.800.000 | D007 |
| 2 | TCT018 | Diệp hạ châu TP | Cao khô diệp hạ châu đắng (tương đương 1,75g diệp hạ châu đắng) | 210mg | Hộp 25 gói x 5g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-24467-16 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 20.000 | 3.800 | 76.000.000 | D013 |
| 3 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g;<br>1g;<br>2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 1.344 | 40.320.000 | D005 |
| 4 | TCT078 | Prospan Forte | Lá thường xuân | 35mg/5ml | Hộp 21 túi 5ml, Dung dịch uống | 36 | VN-17872-14 | Engelhard Arzneimittel GmbH & Co.KG - Đức | Túi | 2 | 5.000 | 6.300 | 31.500.000 | D005 |
| 5 | TCT118 | Hoạt huyết dưỡng não TP | Cao đặc đinh lăng;<br>Cao bạch quả | 150mg;<br>75mg | Hộp 25 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-20303-13 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 100.000 | 2.500 | 250.000.000 | D013 |

**PHỤ LỤC 08: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT014 | Bổ gan Trường Phúc | Diệp hạ châu, Đảng sâm, Nhân trần, Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Đương quy, Phục linh, Trần bì | 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,6g;0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g | Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống, viên nén bao phim | 36 | VD-30093-18 | Công ty TNHH Dược Thảo Hoàng Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 200.000 | 3.590 | 718.000.000 | D006 |
| 2 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 200.000 | 562 | 112.400.000 | D023 |
| 3 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 500.000 | 840 | 420.000.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.289 | 114.450.000 | D023 |
| 5 | TCT058 | Fitôbaby | Sử quân tử,<br>Binh lang,<br>Nhục đậu khấu,<br>Lục thần khúc,<br>Mạch nha,<br>Hồ hoàng liên,<br>Mộc hương | 22.5g, 22.5g,<br>12.5g, 12.5g,<br>10g, 2.5g, 2.5g | Chai 200ml, Uống, Cao lỏng | 36 | VD-22328-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | chai | 1 | 500 | 35.000 | 17.500.000 | D019 |
| 6 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 400.000 | 480 | 192.000.000 | D010 |
| 7 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa,<br>Đương quy,<br>Sinh địa,<br>Sài hồ,<br>Cam thảo,<br>Xích thược,<br>Xuyên khung,<br>Chỉ xác,<br>Ngưu tất,<br>Bạch quả | 280mg,<br>685mg,<br>375mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>375mg,<br>685mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.389 | 119.450.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 50.000 | 924 | 46.200.000 | D019 |
| 9 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 400.000 | 500 | 200.000.000 | D013 |
| 10 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 840 | 84.000.000 | D015 |
| 11 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 200.000 | 903 | 180.600.000 | D019 |

**PHỤ LỤC 09: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN ĐỒ SƠN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

*Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)*

*Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso,<br>Cao mật lợn khô,<br>Tỏi,<br>Than hoạt tính. | 125mg,<br>50mg,<br>50mg,<br>25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.499 | 49.980.000 | D023 |
| 2 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên<br>Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 980 | 19.600.000 | D007 |
| 3 | TCT014 | Bổ gan Trường Phúc | Diệp hạ châu, Đảng sâm, Nhân trần, Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Đương quy, Phục linh, Trần bì | 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,6g;0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g | Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống, viên nén bao phim | 36 | VD-30093-18 | Công ty TNHH Dược Thảo Hoàng Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 3.590 | 35.900.000 | D006 |
| 4 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.289 | 68.670.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT045 | Trường Thọ Quy tỳ hoàn | Đảng sâm<br>Bạch truật<br>Hoàng kỳ chế<br>Cam thảo chích mật<br>Phục linh<br>Viễn chí chế<br>Táo nhân<br>Long nhãn<br>Đương quy<br>Mộc hương<br>Đại táo bỏ hạt | 400mg<br>800mg<br>800mg<br>200mg<br>800mg<br>80mg<br>800mg<br>800mg<br>80mg<br>400mg<br>200mg | Hộp 10 viên x 9g<br>Uống<br>Viên hoàn mềm | 30 | VD-29889-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 4.500 | 22.500.000 | D007 |
| 6 | TCT055 | Bổ tỳ TW | Đảng sâm ,<br>Hoàng kỳ ,<br>Đương quy,<br>Bạch truật ,<br>Thăng ma,<br>Sài hồ,<br>Trần bì,<br>Cam Thảo,<br>Sinh khương,<br>Đại táo. | 3g ;<br>10,02g;<br>1,98g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>1,2g;<br>10,20g. | Uống, Siro; chai 60ml, uống | 36 | VD-25410-16 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 1.000 | 43.500 | 43.500.000 | D023 |
| 7 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 70.000 | 2.200 | 154.000.000 | D003 |
| 8 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa,<br>Đương quy,<br>Sinh địa,<br>Sài hồ,<br>Cam thảo,<br>Xích thược,<br>Xuyên khung,<br>Chỉ xác,<br>Ngưu tất,<br>Bạch quả | 280mg,<br>685mg,<br>375mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>375mg,<br>685mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.389 | 47.780.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 903 | 9.030.000 | D019 |
| 10 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 1.218 | 24.360.000 | D020 |
| 11 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 2.000 | 37.000 | 74.000.000 | D023 |
| 12 | TCT116 | Dưỡng cốt hoàn | Cao xương hỗn hợp + Hoàng bá + Tri mẫu + Trần bì + Bạch thược + Can khương + Thục địa | 0,75g + 2,4g + 0,3g + 0,6g + 0,6g + 0,15g + 0,6g | Hộp 20 túi 5g, Uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-17817-12 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Túi | 1 | 10.000 | 3.500 | 35.000.000 | D014 |
| 13 | TCT119 | Hoàn lục vị địa hoàng | Thục địa + Hoài sơn + Sơn thù + Mẫu đơn bì + Phục linh + Trạch tả | 1,15g + 0,96g+ 0,96g + 0,71g + 0,71g + 0,71g | Hộp 10 hoàn 10g, Uống, Viên hoàn mềm | 36 | VD-24068-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 6.000 | 4.000 | 24.000.000 | D014 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | TCT120 | Hoàn Thập toàn đại bổ | Thục địa<br>Bột hỗn hợp dược liệu (tương đương: Đảng sâm 0,9g; Bạch truật 0,6g; Phục linh 0,48g; Cam thảo 0,48g; Đương quy 0,6g; Xuyên khung 0,48g; Bạch thược 0,6g; Hoàng kỳ 0,9g; Quế nhục 0,6g) | 0,9 g<br>4,12 g | Hộp 20 gói x 6g<br>Uống<br>Viên hoàn cứng | 36 | VD-26313-17 | Trường Thọ - Việt Nam | Gói | 1 | 5.000 | 4.000 | 20.000.000 | D007 |

**PHỤ LỤC 10: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔN LƯƠNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso,<br>Cao mật lợn khô,<br>Tỏi,<br>Than hoạt tính. | 125mg,<br>50mg,<br>50mg,<br>25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 40.000 | 2.499 | 99.960.000 | D023 |
| 2 | TCT018 | Diệp hạ châu TP | Cao khô diệp hạ châu đắng (tương đương 1,75g diệp hạ châu đắng) | 210mg | Hộp 25 gói x 5g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-24467-16 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 42.000 | 3.800 | 159.600.000 | D013 |
| 3 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g;<br>1g;<br>2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 63.000 | 1.344 | 84.672.000 | D005 |
| 4 | TCT032 | Phong thấp ACP | Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh | 600mg;<br>800mg;<br>300mg; 50mg;<br>50mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 24 | GC-225-14 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 1.302 | 13.020.000 | D005 |
| 5 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.289 | 68.670.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | TCT053 | Hoàn nghệ mật ong TP | Nghệ | 1700mg | Hộp 50 x 2g, Uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-24468-16 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 5.000 | 2.600 | 13.000.000 | D013 |
| 7 | TCT055 | Bổ tỳ TW | Đảng sâm , Hoàng kỳ , Đương quy, Bạch truật , Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam Thảo, Sinh khương, Đại táo. | 3g ; 10,02g; 1,98g; 3g; 3g; 3g; 3g; 3g; 1,2g; 10,20g. | Uống, Siro; chai 60ml, uống | 36 | VD-25410-16 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 200 | 43.500 | 8.700.000 | D023 |
| 8 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 15.000 | 2.389 | 35.835.000 | D023 |
| 9 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 500 | 45.000 | 22.500.000 | D023 |
| 10 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 400 | 37.000 | 14.800.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | TCT117 | Thuốc trị viêm đại tràng Tradin extra | cao Kha tử 2,5:1 + bột Mộc hương + cao Hoàng liên 5,5:1 + bột Bạch truật + cao Cam thảo 3,5:1 + cao Bạch thược 3,5:1 | 260mg + 250mg + 52mg + 50mg + 24mg + 18mg | Hộp 2 vỉ * 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-24477-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 3.000 | 1.350 | 4.050.000 | D014 |
| 12 | TCT118 | Hoạt huyết dưỡng não TP | Cao đặc đinh lăng; Cao bạch quả | 150mg; 75mg | Hộp 25 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-20303-13 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 80.000 | 2.500 | 200.000.000 | D013 |

**PHỤ LỤC 11: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN DƯƠNG KINH THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT005 | Cynaphytol | Cao khô Actiso | 0,16g (tương đương 4g lá tươi Actiso) | Hộp 10 vỉ x 10 viên, uống, viên bao đường | 36 | VD-24104-16 | Công ty CP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR, Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 840 | 25.200.000 | D017 |
| 2 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso,<br>Cao mật lợn khô,<br>Tỏi,<br>Than hoạt tính. | 125mg,<br>50mg,<br>50mg,<br>25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.499 | 124.950.000 | D023 |
| 3 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên<br>Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 980 | 29.400.000 | D007 |
| 4 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 510 | 15.300.000 | D015 |
| 5 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g;<br>1g;<br>2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 1.344 | 26.880.000 | D005 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 562 | 11.240.000 | D023 |
| 7 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 840 | 25.200.000 | D019 |
| 8 | TCT031 | Rheumapain - f | Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác | 800mg, 400mg, 400mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-18103-12 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 1.050 | 31.500.000 | D019 |
| 9 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.289 | 68.670.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.289 | 45.780.000 | D023 |
| 11 | TCT058 | Fitôbaby | Sử quân tử, Binh lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương | 22.5g, 22.5g, 12.5g, 12.5g, 10g, 2.5g, 2.5g | Chai 200ml, Uống, Cao lỏng | 36 | VD-22328-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | chai | 1 | 500 | 35.000 | 17.500.000 | D019 |
| 12 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 30.000 | 480 | 14.400.000 | D010 |
| 13 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.200 | 44.000.000 | D003 |
| 14 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 40.000 | 2.389 | 95.560.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 924 | 18.480.000 | D019 |
| 16 | TCT084 | Linh chi – f | Linh chi, Đương quy | 500mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-23289-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 1.197 | 35.910.000 | D019 |
| 17 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 500 | 5.000.000 | D013 |
| 18 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.121 | 42.420.000 | D023 |
| 19 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 903 | 27.090.000 | D019 |

**PHỤ LỤC 12: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI HẢI PHÒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.499 | 49.980.000 | D023 |
| 2 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488 -14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 840 | 25.200.000 | D019 |
| 3 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 18.000 | 2.289 | 41.202.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 135.000 | 480 | 64.800.000 | D010 |
| 5 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.389 | 47.780.000 | D023 |
| 6 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg , 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 60.000 | 924 | 55.440.000 | D019 |
| 7 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 25.000 | 500 | 12.500.000 | D013 |
| 8 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 15.000 | 2.121 | 31.815.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 18.000 | 840 | 15.120.000 | D015 |
| 10 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 903 | 27.090.000 | D019 |
| 11 | TCT117 | Thuốc trị viêm đại tràng Tradin extra | cao Kha tử 2,5:1 + bột Mộc hương + cao Hoàng liên 5,5:1 + bột Bạch truật + cao Cam thảo 3,5:1 + cao Bạch thược 3,5:1 | 260mg + 250mg + 52mg + 50mg + 24mg + 18mg | Hộp 2 vỉ * 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-24477-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 1.350 | 13.500.000 | D014 |
| 12 | TCT118 | Hoạt huyết dưỡng não TP | Cao đặc đinh lăng; Cao bạch quả | 150mg; 75mg | Hộp 25 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-20303-13 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 25.000 | 2.500 | 62.500.000 | D013 |

**PHỤ LỤC 13: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HẢI AN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 80.000 | 2.499 | 199.920.000 | D023 |
| 2 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 510 | 25.500.000 | D015 |
| 3 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 1.344 | 134.400.000 | D005 |
| 4 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 200.000 | 562 | 112.400.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 2.289 | 228.900.000 | D023 |
| 6 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.289 | 114.450.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | TCT039 | Đại tràng hoàn P/H | Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Bột Bạch truật; Bột Hoàng liên; Bột Hoài sơn; Bột Hoàng đằng; Bột Mộc hương; Bột Bạch linh; Bột Sa nhân; Bột Bạch thược; Bột Trần bì; Cao đặc Cam thảo (tương ứng với 0,4g Cam thảo); Cao đặc Đảng sâm (tương ứng với 733mg Đảng sâm). | 0,65g; 0,54g; 0,42g; 0,4g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,25g; 0,04g (0,4g); 0,22g (733mg). | Hộp 10 gói x 4g, uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-25946-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Gói | 1 | 10.000 | 3.900 | 39.000.000 | D015 |
| 8 | TCT051 | Folitat dạ dày | Lá khôi, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt | 160mg, 0,12g, 0,12g, 0,12g, 120mg. | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-29242-18 | Công ty CPDP Yên Bái | Viên | 1 | 20.000 | 1.750 | 35.000.000 | D018 |
| 9 | TCT058 | Fitôbaby | Sử quân tử, Binh lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương | 22.5g, 22.5g, 12.5g, 12.5g, 10g, 2.5g, 2.5g | Chai 200ml, Uống, Cao lỏng | 36 | VD-22328-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | chai | 1 | 300 | 35.000 | 10.500.000 | D019 |
| 10 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 500.000 | 480 | 240.000.000 | D010 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 150.000 | 2.389 | 358.350.000 | D023 |
| 12 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 924 | 27.720.000 | D019 |
| 13 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 200.000 | 500 | 100.000.000 | D013 |
| 14 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 2.121 | 127.260.000 | D023 |
| 15 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 400 | 45.000 | 18.000.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 1.218 | 24.360.000 | D020 |
| 17 | TCT116 | Dưỡng cốt hoàn | Cao xương hỗn hợp + Hoàng bá + Tri mẫu + Trần bì + Bạch thược + Can khương + Thục địa | 0,75g + 2,4g + 0,3g + 0,6g + 0,6g + 0,15g + 0,6g | Hộp 20 túi 5g, Uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-17817-12 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Túi | 1 | 20.000 | 3.500 | 70.000.000 | D014 |

**PHỤ LỤC 14: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HỒNG BÀNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT014 | Bổ gan Trường Phúc | Diệp hạ châu, Đảng sâm, Nhân trần, Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Đương quy, Phục linh, Trần bì | 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,6g;0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g | Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống, viên nén bao phim | 36 | VD-30093-18 | Công ty TNHH Dược Thảo Hoàng Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 7.200 | 3.590 | 25.848.000 | D006 |
| 2 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 1.344 | 134.400.000 | D005 |
| 3 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 562 | 28.100.000 | D023 |
| 4 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 100.000 | 840 | 84.000.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT030 | Xương khớp Nhất Nhất | Đương quy, Đỗ trọng, Cẩu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ. | 750mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450 mg, 300mg, 300mg, 300mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450mg, 300mg, 300mg | uống, viên nén bao phim, lọ 30 viên | 36 | VD-25463-16 | Công ty TNHH DP Nhất Nhất-VN | viên | 1 | 3.600 | 4.498 | 16.193.520 | D022 |
| 6 | TCT031 | Rheumapain - f | Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác | 800mg, 400mg, 400mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-18103-12 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 100.000 | 1.050 | 105.000.000 | D019 |
| 7 | TCT032 | Phong thấp ACP | Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh | 600mg; 800mg; 300mg; 50mg; 50mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 24 | GC-225-14 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 1.302 | 65.100.000 | D005 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | TCT039 | Đại tràng hoàn P/H | Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Bột Bạch truật; Bột Hoàng liên; Bột Hoài sơn; Bột Hoàng đằng; Bột Mộc hương; Bột Bạch linh; Bột Sa nhân; Bột Bạch thược; Bột Trần bì; Cao đặc Cam thảo (tương ứng với 0,4g Cam thảo); Cao đặc Đảng sâm (tương ứng với 733mg Đảng sâm). | 0,65g; 0,54g; 0,42g; 0,4g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,25g; 0,04g (0,4g); 0,22g (733mg). | Hộp 10 gói x 4g, uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-25946-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Gói | 1 | 1.200 | 3.900 | 4.680.000 | D015 |
| 9 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 250.000 | 480 | 120.000.000 | D010 |
| 10 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 96.000 | 2.200 | 211.200.000 | D003 |
| 11 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 70.000 | 924 | 64.680.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà | 0,9g; 3,13g; 3,25g; 3,13g; 0,68g; 3,13g; 0,18g; 2,08g; 7,15g; 3,3g; 0,63g; 0,2g; 0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 1.000 | 17.550 | 17.550.000 | D023 |
| 13 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 250.000 | 500 | 125.000.000 | D013 |
| 14 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 70.000 | 2.121 | 148.470.000 | D023 |
| 15 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 400 | 45.000 | 18.000.000 | D023 |
| 16 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 24.000 | 840 | 20.160.000 | D015 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535 -14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 150.000 | 903 | 135.450.000 | D019 |
| 18 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 120.000 | 1.218 | 146.160.000 | D020 |
| 19 | TCT116 | Dưỡng cốt hoàn | Cao xương hỗn hợp + Hoàng bá + Tri mẫu + Trần bì + Bạch thược + Can khương + Thục địa | 0,75g + 2,4g + 0,3g + 0,6g + 0,6g + 0,15g + 0,6g | Hộp 20 túi 5g, Uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-17817-12 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Túi | 1 | 24.000 | 3.500 | 84.000.000 | D014 |
| 20 | TCT117 | Thuốc trị viêm đại tràng Tradin extra | cao Kha tử 2,5:1 + bột Mộc hương + cao Hoàng liên 5,5:1 + bột Bạch truật + cao Cam thảo 3,5:1 + cao Bạch thược 3,5:1 | 260mg + 250mg + 52mg + 50mg + 24mg + 18mg | Hộp 2 vỉ * 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-24477-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 600 | 1.350 | 810.000 | D014 |
| 21 | TCT118 | Hoạt huyết dưỡng não TP | Cao đặc đinh lăng; Cao bạch quả | 150mg; 75mg | Hộp 25 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-20303-13 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 24.000 | 2.500 | 60.000.000 | D013 |
| 22 | TCT119 | Hoàn lục vị địa hoàng | Thục địa + Hoài sơn + Sơn thù + Mẫu đơn bì + Phục linh + Trạch tả | 1,15g + 0,96g+ 0,96g + 0,71g + 0,71g + 0,71g | Hộp 10 hoàn 10g, Uống, Viên hoàn mềm | 36 | VD-24068-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 3.600 | 4.000 | 14.400.000 | D014 |

**PHỤ LỤC 15: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỒNG ĐỨC THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT005 | Cynaphytol | Cao khô Actiso | 0,16g (tương đương 4g lá tươi Actiso) | Hộp 10 vỉ x 10 viên, uống, viên bao đường | 36 | VD-24104-16 | Công ty CP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR, Việt Nam | viên | 1 | 50.000 | 840 | 42.000.000 | D017 |
| 2 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 562 | 11.240.000 | D023 |
| 3 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.200 | 110.000.000 | D003 |
| 4 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh,<br>Cát cánh,<br>Tỳ bà diệp,<br>Tang bạch bì,<br>Ma hoàng,<br>Mạch môn,<br>Lá Bạc hà,<br>Bán hạ chế,<br>Bách bộ,<br>Mơ muối,<br>Cam thảo,<br>Bạch phàn,<br>Tinh dầu bạc hà | 0,9g;<br>3,13g;<br>3,25g;<br>3,13g;<br>0,68g;<br>3,13g;<br>0,18g;<br>2,08g;<br>7,15g;<br>3,3g;<br>0,63g;<br>0,2g;<br>0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 500 | 17.550 | 8.775.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 39.000 | 500 | 19.500.000 | D013 |
| 6 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 39.000 | 1.218 | 47.502.000 | D020 |

**PHỤ LỤC 16: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUẬN KIẾN AN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT001 | Cảm mạo thông | Hoắc hương<br>Tía tô (lá)<br>Cao khô dược liệu (tương đương 1191mg dược liệu bao gồm: Bạch chỉ 140mg; Bạch linh 175mg; Đại phúc bì 175mg; Thương truật 175mg; Hậu phác 140mg; Trần bì 105mg; Cam thảo 53mg; Cát cánh 88mg; Bán hạ (bắc)(chế) 105mg; Can khương 35mg) | 210 mg<br>175 mg<br>315 mg | Hộp 2 vỉ x 12 viên<br>Uống<br>Viên nén bao phim | 24 | VD-32921-19 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 24.000 | 1.600 | 38.400.000 | D007 |
| 2 | TCT006 | Actisô HĐ | Cao đặc Actisô | 250mg | Hộp 5 vỉ × 15 viên, Uống, Viên nang mềm | 36 | VD-21418-14 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 12.000 | 2.200 | 26.400.000 | D006 |
| 3 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso,<br>Cao mật lợn khô,<br>Tỏi,<br>Than hoạt tính. | 125mg,<br>50mg,<br>50mg,<br>25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 18.000 | 2.499 | 44.982.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên<br>Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 28.000 | 980 | 27.440.000 | D007 |
| 5 | TCT021 | Mát gan giải độc-HT | Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nồi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ | 600mg; 500mg; 600mg; 1g; 600mg; 240mg | Hộp 20 ống 10ml, Uống, Siro | 36 | VD-22760-15 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam | Ống | 1 | 10.000 | 3.400 | 34.000.000 | D006 |
| 6 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 562 | 33.720.000 | D023 |
| 7 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.289 | 45.780.000 | D023 |
| 8 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 18.000 | 2.289 | 41.202.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | TCT044 | Siro Bổ tâm tỳ | Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Long nhãn | Trong 10ml siro thuốc có chứa các chất chiết được từ các dược liệu tương ứng: (1,2g; 1,2g; 1,2g; 2,0g; 1,2g; 0,4g; 0,4g; 1,2g; 0,6g; 1,2g). | Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml, Uống, Siro thuốc | 30 | VD-23560-15 | Công ty CPDP Hoa Việt – Việt Nam | Ống | 1 | 10.000 | 5.000 | 50.000.000 | D004 |
| 10 | TCT055 | Bổ tỳ TW | Đảng sâm , Hoàng kỳ , Đương quy, Bạch truật , Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam Thảo, Sinh khương, Đại táo. | 3g ; 10,02g; 1,98g; 3g; 3g; 3g; 3g; 3g; 1,2g; 10,20g. | Uống, Siro; chai 60ml, uống | 36 | VD-25410-16 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 1.200 | 43.500 | 52.200.000 | D023 |
| 11 | TCT057 | Gastro-max | Phòng đảng sâm Thương truật Hoài sơn Hậu phác Mộc hương Ô tặc cốt Cam thảo | 0,5g 1,5g 1,0g 0,7g 0,5g 0,5g 0,3g | Hộp 15 gói x 5g Uống Gói thuốc bột | 24 | VD-25820-16 | Trường Thọ - Việt Nam | Gói | 1 | 12.000 | 3.500 | 42.000.000 | D007 |
| 12 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 120.000 | 480 | 57.600.000 | D010 |
| 13 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 24.000 | 2.200 | 52.800.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa,<br>Đương quy,<br>Sinh địa,<br>Sài hồ,<br>Cam thảo,<br>Xích thược,<br>Xuyên khung,<br>Chi xác,<br>Ngưu tất,<br>Bạch quả | 280mg,<br>685mg,<br>375mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>375mg,<br>685mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 18.000 | 2.389 | 43.002.000 | D023 |
| 15 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh,<br>Cát cánh,<br>Tỳ bà diệp,<br>Tang bạch bì,<br>Ma hoàng,<br>Mạch môn,<br>Lá Bạc hà,<br>Bán hạ chế,<br>Bách bộ,<br>Mơ muối,<br>Cam thảo,<br>Bạch phàn,<br>Tinh dầu bạc hà | 0,9g;<br>3,13g;<br>3,25g;<br>3,13g;<br>0,68g;<br>3,13g;<br>0,18g;<br>2,08g;<br>7,15g;<br>3,3g;<br>0,63g;<br>0,2g;<br>0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 1.200 | 17.550 | 21.060.000 | D023 |
| 16 | TCT080 | Thuốc ho K/H | Ma hoàng,<br>Khổ hạnh nhân,<br>Quế chi,<br>Cam thảo. | 18g,<br>24g,<br>12g,<br>12g. | Hộp 1 chai x 120 ml siro, uống | 24 | VD-23249-15 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 600 | 19.950 | 11.970.000 | D023 |
| 17 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 1.200 | 45.000 | 54.000.000 | D023 |
| 18 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 18.000 | 1.218 | 21.924.000 | D020 |

**PHỤ LỤC 17: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KIẾN THỤY THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 1.344 | 67.200.000 | D005 |
| 2 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 562 | 11.240.000 | D023 |
| 3 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 100.000 | 840 | 84.000.000 | D019 |
| 4 | TCT032 | Phong thấp ACP | Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh | 600mg; 800mg; 300mg; 50mg; 50mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 24 | GC-225-14 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 1.302 | 65.100.000 | D005 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 150.000 | 2.289 | 343.350.000 | D023 |
| 6 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.289 | 114.450.000 | D023 |
| 7 | TCT055 | Bổ tỳ TW | Đảng sâm ,<br>Hoàng kỳ ,<br>Đương quy,<br>Bạch truật ,<br>Thăng ma,<br>Sài hồ,<br>Trần bì,<br>Cam Thảo,<br>Sinh khương,<br>Đại táo. | 3g ;<br>10,02g;<br>1,98g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>1,2g;<br>10,20g. | Uống, Siro; chai 60ml, uống | 36 | VD-25410-16 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 1.000 | 43.500 | 43.500.000 | D023 |
| 8 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.200 | 44.000.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.389 | 47.780.000 | D023 |
| 10 | TCT084 | Linh chi – f | Linh chi, Đương quy | 500mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-23289-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 50.000 | 1.197 | 59.850.000 | D019 |
| 11 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 500 | 10.000.000 | D013 |
| 12 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.121 | 42.420.000 | D023 |
| 13 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 500 | 45.000 | 22.500.000 | D023 |
| 14 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 903 | 9.030.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | TCT114 | Fitôgra – f | Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế | 330mg, 330mg, 330mg, 100mg | Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-25954 -16 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 3.990 | 39.900.000 | D019 |
| 16 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 1.000 | 37.000 | 37.000.000 | D023 |
| 17 | TCT116 | Dưỡng cốt hoàn | Cao xương hỗn hợp + Hoàng bá + Tri mẫu + Trần bì + Bạch thược + Can khương + Thục địa | 0,75g + 2,4g + 0,3g + 0,6g + 0,6g + 0,15g + 0,6g | Hộp 20 túi 5g, Uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-17817-12 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Túi | 1 | 20.000 | 3.500 | 70.000.000 | D014 |
| 18 | TCT119 | Hoàn lục vị địa hoàng | Thục địa + Hoài sơn + Sơn thù + Mẫu đơn bì + Phục linh + Trạch tả | 1,15g + 0,96g+ 0,96g + 0,71g + 0,71g + 0,71g | Hộp 10 hoàn 10g, Uống, Viên hoàn mềm | 36 | VD-24068-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 4.000 | 40.000.000 | .D014 |
| 19 | TCT120 | Hoàn Thập toàn đại bổ | Thục địa<br>Bột hỗn hợp dược liệu (tương đương: Đảng sâm 0,9g; Bạch truật 0,6g; Phục linh 0,48g; Cam thảo 0,48g; Đương quy 0,6g; Xuyên khung 0,48g; Bạch thược 0,6g; Hoàng kỳ 0,9g; Quế nhục 0,6g) | 0,9 g<br>4,12 g | Hộp 20 gói x 6g<br>Uống<br>Viên hoàn cứng | 36 | VD-26313-17 | Trường Thọ - Việt Nam | Gói | 1 | 5.000 | 4.000 | 20.000.000 | D007 |

**PHỤ LỤC 18: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG & CHĂM SÓC SỨC KHỎE BƯU ĐIỆN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 2.000 | 2.200 | 4.400.000 | D003 |

**PHỤ LỤC 19: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN LÊ CHÂN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT005 | Cynaphytol | Cao khô Actiso | 0,16g (tương đương 4g lá tươi Actiso) | Hộp 10 vỉ x 10 viên, uống, viên bao đường | 36 | VD-24104-16 | Công ty CP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR, Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 840 | 16.800.000 | D017 |
| 2 | TCT006 | Actisô HĐ | Cao đặc Actisô | 250mg | Hộp 5 vỉ × 15 viên, Uống, Viên nang mềm | 36 | VD-21418-14 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.200 | 44.000.000 | D006 |
| 3 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 70.000 | 2.499 | 174.930.000 | D023 |
| 4 | TCT014 | Bổ gan Trường Phúc | Diệp hạ châu, Đảng sâm, Nhân trần, Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Đương quy, Phục linh, Trần bì | 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,6g;0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g | Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống, viên nén bao phim | 36 | VD-30093-18 | Công ty TNHH Dược Thảo Hoàng Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 3.590 | 17.950.000 | D006 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 510 | 25.500.000 | D015 |
| 6 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 1.344 | 67.200.000 | D005 |
| 7 | TCT021 | Mát gan giải độc-HT | Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nồi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ | 600mg; 500mg; 600mg; 1g; 600mg; 240mg | Hộp 20 ống 10ml, Uống, Siro | 36 | VD-22760-15 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam | Ống | 1 | 5.000 | 3.400 | 17.000.000 | D006 |
| 8 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 562 | 16.860.000 | D023 |
| 9 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 350.000 | 840 | 294.000.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | TCT030 | Xương khớp Nhất Nhất | Đương quy, Đỗ trọng, Cẩu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ. | 750mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450 mg, 300mg, 300mg, 300mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450mg, 300mg, 300mg | uống, viên nén bao phim, lọ 30 viên | 36 | VD-25463-16 | Công ty TNHH DP Nhất Nhất-VN | viên | 1 | 5.000 | 4.498 | 22.491.000 | D022 |
| 11 | TCT031 | Rheumapain - f | Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác | 800mg, 400mg, 400mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-18103 -12 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 1.050 | 21.000.000 | D019 |
| 12 | TCT032 | Phong thấp ACP | Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh | 600mg; 800mg; 300mg; 50mg; 50mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 24 | GC-225-14 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 1.302 | 13.020.000 | D005 |
| 13 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 70.000 | 2.289 | 160.230.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | TCT039 | Đại tràng hoàn P/H | Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Bột Bạch truật; Bột Hoàng liên; Bột Hoài sơn; Bột Hoàng đằng; Bột Mộc hương; Bột Bạch linh; Bột Sa nhân; Bột Bạch thược; Bột Trần bì; Cao đặc Cam thảo (tương ứng với 0,4g Cam thảo); Cao đặc Đảng sâm (tương ứng với 733mg Đảng sâm). | 0,65g; 0,54g; 0,42g; 0,4g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,35g; 0,25g; 0,04g (0,4g); 0,22g (733mg). | Hộp 10 gói x 4g, uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-25946-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Gói | 1 | 20.000 | 3.900 | 78.000.000 | D015 |
| 15 | TCT044 | Siro Bổ tâm tỳ | Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Long nhãn | Trong 10ml siro thuốc có chứa các chất chiết được từ các dược liệu tương ứng: (1,2g; 1,2g; 1,2g; 2,0g; 1,2g; 0,4g; 0,4g; 1,2g; 0,6g; 1,2g). | Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml, Uống, Siro thuốc | 30 | VD-23560-15 | Công ty CPDP Hoa Việt – Việt Nam | Ống | 1 | 5.000 | 5.000 | 25.000.000 | D004 |
| 16 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 200.000 | 480 | 96.000.000 | D010 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 200.000 | 2.389 | 477.800.000 | D023 |
| 18 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 300.000 | 924 | 277.200.000 | D019 |
| 19 | TCT084 | Linh chi – f | Linh chi, Đương quy | 500mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-23289-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 5.000 | 1.197 | 5.985.000 | D019 |
| 20 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 250.000 | 500 | 125.000.000 | D013 |
| 21 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 2.121 | 127.260.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 1.000 | 45.000 | 45.000.000 | D023 |
| 23 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 840 | 16.800.000 | D015 |
| 24 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 80.000 | 903 | 72.240.000 | D019 |
| 25 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 1.218 | 24.360.000 | D020 |

**PHỤ LỤC 20: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUẬN NGÔ QUYỀN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

*Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)*

*Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 2.499 | 249.900.000 | D023 |
| 2 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 1.344 | 67.200.000 | D005 |
| 3 | TCT021 | Mát gan giải độc-HT | Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nồi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ | 600mg; 500mg; 600mg; 1g; 600mg; 240mg | Hộp 20 ống 10ml, Uống, Siro | 36 | VD-22760-15 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam | Ống | 1 | 10.000 | 3.400 | 34.000.000 | D006 |
| 4 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 562 | 16.860.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488 -14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 100.000 | 840 | 84.000.000 | D019 |
| 6 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.289 | 68.670.000 | D023 |
| 7 | TCT055 | Bổ tỳ TW | Đảng sâm , Hoàng kỳ , Đương quy, Bạch truật , Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam Thảo, Sinh khương, Đại táo. | 3g ; 10,02g; 1,98g; 3g; 3g; 3g; 3g; 3g; 1,2g; 10,20g. | Uống, Siro; chai 60ml, uống | 36 | VD-25410-16 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 500 | 43.500 | 21.750.000 | D023 |
| 8 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.200 | 44.000.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 150.000 | 2.389 | 358.350.000 | D023 |
| 10 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 80.000 | 924 | 73.920.000 | D019 |
| 11 | TCT078 | Prospan Forte | Lá thường xuân | 35mg/5ml | Hộp 21 túi 5ml, Dung dịch uống | 36 | VN-17872-14 | Engelhard Arzneimittel GmbH & Co.KG - Đức | Túi | 2 | 12.000 | 6.300 | 75.600.000 | D005 |
| 12 | TCT080 | Thuốc ho K/H | Ma hoàng, Khổ hạnh nhân, Quế chi, Cam thảo. | 18g, 24g, 12g, 12g. | Hộp 1 chai x 120 ml siro, uống | 24 | VD-23249-15 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 400 | 19.950 | 7.980.000 | D023 |
| 13 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 150.000 | 500 | 75.000.000 | D013 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 300 | 45.000 | 13.500.000 | D023 |
| 15 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 120.000 | 1.218 | 146.160.000 | D020 |
| 16 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 2.000 | 37.000 | 74.000.000 | D023 |
| 17 | TCT118 | Hoạt huyết dưỡng não TP | Cao đặc đinh lăng; Cao bạch quả | 150mg; 75mg | Hộp 25 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 36 | VD-20303-13 | Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Gói | 1 | 50.000 | 2.500 | 125.000.000 | D013 |

**PHỤ LỤC 21: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨNG NĂNG HẢI PHÒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

*Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)*

*Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso,<br>Cao mật lợn khô,<br>Tỏi,<br>Than hoạt tính. | 125mg,<br>50mg,<br>50mg,<br>25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 7.800 | 2.499 | 19.492.200 | D023 |
| 2 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.289 | 45.780.000 | D023 |
| 3 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 8.000 | 2.289 | 18.312.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 6.000 | 2.200 | 13.200.000 | D003 |
| 5 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa,<br>Đương quy,<br>Sinh địa,<br>Sài hồ,<br>Cam thảo,<br>Xích thược,<br>Xuyên khung,<br>Chỉ xác,<br>Ngưu tất,<br>Bạch quả | 280mg,<br>685mg,<br>375mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>375mg,<br>685mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 2.389 | 23.890.000 | D023 |
| 6 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh,<br>Cát cánh,<br>Tỳ bà diệp,<br>Tang bạch bì,<br>Ma hoàng,<br>Mạch môn,<br>Lá Bạc hà,<br>Bán hạ chế,<br>Bách bộ,<br>Mơ muối,<br>Cam thảo,<br>Bạch phàn,<br>Tinh dầu bạc hà | 0,9g;<br>3,13g;<br>3,25g;<br>3,13g;<br>0,68g;<br>3,13g;<br>0,18g;<br>2,08g;<br>7,15g;<br>3,3g;<br>0,63g;<br>0,2g;<br>0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 500 | 17.550 | 8.775.000 | D023 |
| 7 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 500 | 37.000 | 18.500.000 | D023 |

**PHỤ LỤC 22: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN HẢI PHÒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 200.000 | 2.499 | 499.800.000 | D023 |
| 2 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 200.000 | 1.344 | 268.800.000 | D005 |
| 3 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 2.389 | 119.450.000 | D023 |
| 4 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 1.218 | 60.900.000 | D020 |

**PHỤ LỤC 23: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN THỦY NGUYÊN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 2.499 | 249.900.000 | D023 |
| 2 | TCT014 | Bổ gan Trường Phúc | Diệp hạ châu, Đảng sâm, Nhân trần, Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Đương quy, Phục linh, Trần bì | 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,6g;0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g | Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống, viên nén bao phim | 36 | VD-30093-18 | Công ty TNHH Dược Thảo Hoàng Thành - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 3.590 | 17.950.000 | D006 |
| 3 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 1.344 | 134.400.000 | D005 |
| 4 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 300.000 | 840 | 252.000.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT030 | Xương khớp Nhất Nhất | Đương quy, Đỗ trọng, Cẩu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ. | 750mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450 mg, 300mg, 300mg, 300mg, 600mg, 600mg, 450mg, 450mg, 300mg, 300mg | uống, viên nén bao phim, lọ 30 viên | 36 | VD-25463-16 | Công ty TNHH DP Nhất Nhất-VN | viên | 1 | 20.000 | 4.498 | 89.964.000 | D022 |
| 6 | TCT031 | Rheumapain - f | Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác | 800mg, 400mg, 400mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-18103-12 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 1.050 | 21.000.000 | D019 |
| 7 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 650.000 | 480 | 312.000.000 | D010 |
| 8 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 300.000 | 2.389 | 716.700.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 60.000 | 924 | 55.440.000 | D019 |
| 10 | TCT084 | Linh chi – f | Linh chi, Đương quy | 500mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-23289-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 1.197 | 11.970.000 | D019 |
| 11 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 4.000 | 500 | 2.000.000 | D013 |
| 12 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 840 | 8.400.000 | D015 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535 -14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 2.000 | 903 | 1.806.000 | D019 |
| 14 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 1.218 | 121.800.000 | D020 |
| 15 | TCT114 | Fitôgra – f | Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế | 330mg, 330mg, 330mg, 100mg | Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-25954 -16 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 3.990 | 39.900.000 | D019 |

**PHỤ LỤC 24: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TIÊN LÃNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3/2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 192.920 | 840 | 162.052.800 | D019 |
| 2 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 66.300 | 2.289 | 151.760.700 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 16.170 | 2.389 | 38.630.130 | D023 |
| 4 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 27.600 | 924 | 25.502.677 | D019 |
| 5 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 18.850 | 840 | 15.834.000 | D015 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535 -14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 62.140 | 903 | 56.112.420 | D019 |
| 7 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 65.000 | 1.218 | 79.170.000 | D020 |

**PHỤ LỤC 25: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT055 | Bổ tỳ TW | Đảng sâm ,<br>Hoàng kỳ ,<br>Đương quy,<br>Bạch truật ,<br>Thăng ma,<br>Sài hồ,<br>Trần bì,<br>Cam Thảo,<br>Sinh khương,<br>Đại táo. | 3g ;<br>10,02g;<br>1,98g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>3g;<br>1,2g;<br>10,20g. | Uống, Siro; chai 60ml, uống | 36 | VD-25410-16 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 900 | 43.500 | 39.150.000 | D023 |
| 2 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 500 | 37.000 | 18.500.000 | D023 |

**PHỤ LỤC 26: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN KIẾN AN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 90.000 | 2.499 | 224.910.000 | D023 |
| 2 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 300.000 | 510 | 153.000.000 | D015 |
| 3 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 90.000 | 1.344 | 120.960.000 | D005 |
| 4 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 562 | 11.240.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 840 | 16.800.000 | D019 |
| 6 | TCT032 | Phong thấp ACP | Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh | 600mg; 800mg; 300mg; 50mg; 50mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 24 | GC-225-14 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 1.302 | 13.020.000 | D005 |
| 7 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 40.000 | 2.289 | 91.560.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 40.000 | 2.289 | 91.560.000 | D023 |
| 9 | TCT046 | Phalintop | Cam thảo, Đảng sâm nam chế, Dịch chiết men bia (tương đương với men bia) | 0,5g; 1,5g; 10g | Hộp 20 ống 10ml, Uống, Dung dịch thuốc nước | 36 | VD-24094-16 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam | Ống | 1 | 2.000 | 3.200 | 6.400.000 | D006 |
| 10 | TCT055 | Bổ tỳ TW | Đảng sâm , Hoàng kỳ , Đương quy, Bạch truật , Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam Thảo, Sinh khương, Đại táo. | 3g ; 10,02g; 1,98g; 3g; 3g; 3g; 3g; 3g; 1,2g; 10,20g. | Uống, Siro; chai 60ml, uống | 36 | VD-25410-16 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 200 | 43.500 | 8.700.000 | D023 |
| 11 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.200 | 66.000.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 180.000 | 2.389 | 430.020.000 | D023 |
| 13 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 30.000 | 924 | 27.720.000 | D019 |
| 14 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 40.000 | 500 | 20.000.000 | D013 |
| 15 | TCT087 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 250mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24351-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.121 | 63.630.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | TCT088 | Mediphylamin | Bột bèo hoa dâu | 1,8g/60ml | Hộp 1 chai 60ml siro uống | 36 | VD-24353-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 1 | 400 | 45.000 | 18.000.000 | D023 |
| 17 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 903 | 18.060.000 | D019 |
| 18 | TCT109 | Giadogane | Cao đặc actiso, cao đặc rau đắng đất, cao đặc bìm bìm biếc | 200 mg + 150 mg +16 mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm, Uống | 36 | VD-17634-12 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 90.000 | 1.218 | 109.620.000 | D020 |
| 19 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 3.000 | 37.000 | 111.000.000 | D023 |
| 20 | TCT116 | Dưỡng cốt hoàn | Cao xương hỗn hợp + Hoàng bá + Tri mẫu + Trần bì + Bạch thược + Can khương + Thục địa | 0,75g + 2,4g + 0,3g + 0,6g + 0,6g + 0,15g + 0,6g | Hộp 20 túi 5g, Uống, Viên hoàn cứng | 36 | VD-17817-12 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Túi | 1 | 20.000 | 3.500 | 70.000.000 | D014 |
| 21 | TCT117 | Thuốc trị viêm đại tràng Tradin extra | cao Kha tử 2,5:1 + bột Mộc hương + cao Hoàng liên 5,5:1 + bột Bạch truật + cao Cam thảo 3,5:1 + cao Bạch thược 3,5:1 | 260mg + 250mg + 52mg + 50mg + 24mg + 18mg | Hộp 2 vỉ * 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-24477-16 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 1.350 | 27.000.000 | D014 |

**PHỤ LỤC 27: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 360.000 | 480 | 172.800.000 | D010 |
| 2 | TCT089 | Đương quy di thực | Cao khô đương quy dị thực | 300mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang mềm | 36 | VD-28209-17 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 3.235 | 161.750.000 | D006 |
| 3 | TCT094 | HAISAMIN | Hải sâm | 200 mg | Hộp 6 vỉ, hộp 12 vỉ x 5 viên; Uống; Viên nang mềm | 36 | VD-22264-15 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 500.000 | 3.900 | 1.950.000.000 | D009 |

**PHỤ LỤC 28: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VĨNH BẢO THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

*Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)*

*Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT006 | Actisô HĐ | Cao đặc Actisô | 250mg | Hộp 5 vỉ × 15 viên, Uống, Viên nang mềm | 36 | VD-21418-14 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam | Viên | 1 | 25.000 | 2.200 | 55.000.000 | D006 |
| 2 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 25.000 | 2.499 | 62.475.000 | D023 |
| 3 | TCT012 | Tioga | Cao đặc Actiso<br>Sài đất<br>Thương nhĩ tử<br>Kim ngân hoa<br>Hạ khô thảo | 33,33mg<br>1,0g<br>0,34g<br>0,25g<br>0,17g | Hộp 2 vỉ x 20 viên<br>Uống<br>Viên bao đường | 24 | VD-29197-18 | Trường Thọ - Việt Nam | Viên | 1 | 25.000 | 980 | 24.500.000 | D007 |
| 4 | TCT017 | Giải độc gan Vinaplant | Cao đặc bồ bồ (tương đương 2g bồ bồ) | 200mg | Hộp 30 gói x 3g, Uống, Thuốc cốm | 24 | VD-31876-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Gói | 1 | 15.000 | 3.450 | 51.750.000 | D013 |
| 5 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 40.000 | 510 | 20.400.000 | D015 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | TCT024 | Tiêu sỏi Khải Hà | Kim tiền thảo | 260,5mg | Hộp 6 vỉ x 10 viên bao phim, uống | 36 | VD-33791-19 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 562 | 16.860.000 | D023 |
| 7 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 25.000 | 840 | 21.000.000 | D019 |
| 8 | TCT031 | Rheumapain - f | Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác | 800mg, 400mg, 400mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-18103-12 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 25.000 | 1.050 | 26.250.000 | D019 |
| 9 | TCT032 | Phong thấp ACP | Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh | 600mg; 800mg; 300mg; 50mg; 50mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 24 | GC-225-14 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 25.000 | 1.302 | 32.550.000 | D005 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 25.000 | 2.289 | 57.225.000 | D023 |
| 11 | TCT057 | Gastro-max | Phòng đảng sâm<br>Thương truật<br>Hoài sơn<br>Hậu phác<br>Mộc hương<br>Ô tặc cốt<br>Cam thảo | 0,5g<br>1,5g<br>1,0g<br>0,7g<br>0,5g<br>0,5g<br>0,3g | Hộp 15 gói x 5g Uống<br>Gói thuốc bột | 24 | VD-25820-16 | Trường Thọ - Việt Nam | Gói | 1 | 15.000 | 3.500 | 52.500.000 | D007 |
| 12 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 2.200 | 66.000.000 | D003 |
| 13 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa,<br>Đương quy,<br>Sinh địa,<br>Sài hồ,<br>Cam thảo,<br>Xích thược,<br>Xuyên khung,<br>Chỉ xác,<br>Ngưu tất,<br>Bạch quả | 280mg,<br>685mg,<br>375mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>375mg,<br>685mg,<br>280mg,<br>375mg,<br>15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 100.000 | 2.389 | 238.900.000 | D023 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 10.000 | 924 | 9.240.000 | D019 |
| 15 | TCT077 | Massoft | Lá thường xuân | 700mg | Hộp 1 chai 100ml siro uống | 36 | VD-26338-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Chai | 2 | 4.000 | 25.900 | 103.600.000 | D023 |
| 16 | TCT080 | Thuốc ho K/H | Ma hoàng, Khổ hạnh nhân, Quế chi, Cam thảo. | 18g, 24g, 12g, 12g. | Hộp 1 chai x 120 ml siro, uống | 24 | VD-23249-15 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 5.000 | 19.950 | 99.750.000 | D023 |
| 17 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 500 | 10.000.000 | D013 |
| 18 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 903 | 18.060.000 | D019 |
| 19 | TCT115 | Thuốc ho Bách bộ | Bách bộ | 60g | Hộp 1 lọ 120ml cao lỏng uống | 24 | V180-H02-19 | Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương - Việt Nam | Lọ | 2 | 8.000 | 37.000 | 296.000.000 | D023 |

**PHỤ LỤC 29: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI VIỆN Y HỌC BIỂN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 1.344 | 40.320.000 | D005 |
| 2 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 500 | 15.000.000 | D013 |

**PHỤ LỤC 30: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT009 | Chorlatcyn | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | 125mg, 50mg, 50mg, 25mg. | Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | GC-269-17 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 2.499 | 12.495.000 | D023 |
| 2 | TCT038 | Tuzamin | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng. | 250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 2.289 | 22.890.000 | D023 |
| 3 | TCT051 | Folitat dạ dày | Lá khôi, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt | 160mg, 0,12g, 0,12g, 0,12g, 120mg. | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-29242-18 | Công ty CPDP Yên Bái | Viên | 1 | 10.000 | 1.750 | 17.500.000 | D018 |
| 4 | TCT058 | Fitôbaby | Sử quân tử, Binh lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương | 22.5g, 22.5g, 12.5g, 12.5g, 10g, 2.5g, 2.5g | Chai 200ml, Uống, Cao lỏng | 36 | VD-22328-15 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | chai | 1 | 2.000 | 35.000 | 70.000.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | TCT062 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 1 | 1.500.000 | 480 | 720.000.000 | D010 |
| 6 | TCT067 | Cerecaps | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả | 280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg, 280mg, 375mg, 15mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24348-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 10.000 | 2.389 | 23.890.000 | D023 |
| 7 | TCT074 | Bổ phế chỉ Khái Lộ | Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà | 0,9g; 3,13g; 3,25g; 3,13g; 0,68g; 3,13g; 0,18g; 2,08g; 7,15g; 3,3g; 0,63g; 0,2g; 0,13g | Hộp 1 chai 125ml dung dịch uống | 24 | VD-21451-14 | Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà - Việt Nam | Chai | 1 | 2.000 | 17.550 | 35.100.000 | D023 |

**PHỤ LỤC 31: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN SỬ DỤNG TẠI VIỆN Y HỌC HẢI QUÂN THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 397/QĐ-SYT NGÀY 18/3/2020)**

***Gói thầu: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 103 lô thuốc)***

***Dự án: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2019 – 2020 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng***

*(Kèm theo Công văn số 806 /SYT-TTKN ngày 25 / 3 /2020 của Sở Y tế Hải Phòng)*

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TCT019 | Bổ gan P/H | Cao đặc Diệp hạ châu (tương tương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). | 125mg (1,25g); 100mg (1g); 25mg (0,25g). | Hộp 5 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao đường | 36 | VD-24998-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 510 | 25.500.000 | D015 |
| 2 | TCT020 | Bình can | Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần | 2g; 1g; 2g | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng | 36 | VD-32521-19 | Công ty CPDP Me di sun - Việt Nam | Viên | 1 | 50.000 | 1.344 | 67.200.000 | D005 |
| 3 | TCT028 | Độc hoạt tang ký sinh | Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy | 240mg, 184mg, 300mg, 148mg, 120mg, 120mg, 148mg, 104mg, 92mg, 92mg, 92mg, 148mg, 60mg, 60mg, 92mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-21488-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 20.000 | 840 | 16.800.000 | D019 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TCT037 | Tuzamin | Tục đoạn,<br>Phòng phong,<br>Hy thiêm,<br>Độc hoạt,<br>Tần giao,<br>Bạch thược,<br>Đương quy,<br>Xuyên khung<br>Thiên niên kiện,<br>Ngưu tất,<br>Hoàng kỳ,<br>Đỗ trọng. | 250mg,<br>250mg,<br>250mg,<br>200mg,<br>200mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>150mg,<br>100mg. | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống | 36 | VD-24355-16 | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam | Viên | 1 | 5.000 | 2.289 | 11.445.000 | D023 |
| 5 | TCT057 | Gastro-max | Phòng đảng sâm<br>Thương truật<br>Hoài sơn<br>Hậu phác<br>Mộc hương<br>Ô tặc cốt<br>Cam thảo | 0,5g<br>1,5g<br>1,0g<br>0,7g<br>0,5g<br>0,5g<br>0,3g | Hộp 15 gói x 5g Uống<br>Gói thuốc bột | 24 | VD-25820-16 | Trường Thọ - Việt Nam | Gói | 1 | 5.000 | 3.500 | 17.500.000 | D007 |
| 6 | TCT061 | Đan Sâm Tam Thất VCP | Đan sâm; Tam Thất; Borneol | 43,56mg + 8,52mg + 1mg | Hộp 15 gói x 0,27g/gói (10 viên/gói), viên hoàn giọt, uống | 36 | VD-32930-19 | Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam | Viên hoàn giọt | 2 | 150.000 | 480 | 72.000.000 | D010 |
| 7 | TCT064 | NPluvico | Đinh lăng, Bạch quả | 300 mg + 100 mg | Uống, Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm | 36 | VD-21622-14 | CTCP Dược Nature - Việt Nam | Viên | 1 | 20.000 | 2.200 | 44.000.000 | D003 |

| STT | Mã DM | Tên thuốc | Tên thành phần của thuốc | Nồng độ - Hàm lượng | Đường dùng, dạng bào chế | Hạn dùng (Tháng) | SĐK hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất - nước sản xuất | ĐVT | Phân nhóm | Số lượng phân bổ | Giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Mã NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | TCT069 | An thần bổ tâm - f | Sinh địa, Táo nhân, Bá tử nhân, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Đảng sâm, Mạch môn, Thiên môn, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Cát cánh | 400mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg,133.3mg, 133.3mg,133.3mg, 133.3mg,66.7mg, 66.7mg, 66.7mg, 66.7mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20532-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 80.000 | 924 | 73.920.000 | D019 |
| 9 | TCT085 | Bài thạch Vinaplant | Cao đặc kim tiền thảo (tương đương với Kim tiền thảo 2,5g) | 200mg | Hộp 5 vỉ x 10 viên, Uống, Viên nang cứng | 24 | VD-31858-19 | Công ty Cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam | Viên | 1 | 60.000 | 500 | 30.000.000 | D013 |
| 10 | TCT093 | Hoạt huyết Phúc Hưng | Bột Đương quy; Cao đặc dược liệu (tương đương với Thục địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg). | 120mg; 240mg (400mg, 400mg, 300mg, 300mg) | Hộp 2 vỉ x 20 viên, uống, Viên nén bao phim | 36 | VD-24511-16 | Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng - Việt Nam | Viên | 1 | 30.000 | 840 | 25.200.000 | D015 |
| 11 | TCT102 | Sáng mắt – f | Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả , Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa | 400mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 200mg, 100mg, 100mg | Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống, Viên nang cứng | 36 | VD-20535-14 | Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma -Việt Nam | viên | 1 | 70.000 | 903 | 63.210.000 | D019 |